

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 106/2025/TLST-HNGĐ ngày 22/10/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu N; địa chỉ: Khu phố 5, phường A, tỉnh B.
- Bị đơn: Ông Phan Thế A; địa chỉ: Khu phố 5, phường A, tỉnh B.
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng A – chi nhánh Quảng Trị phòng giao dịch B; địa chỉ: Xã B, tỉnh C.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12/12/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn, giữa: Bà Lê Thị Thu N và ông Phan Thế A.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thu N và ông Phan Thế A thuận tình ly hôn (*Giấy chứng nhận kết hôn số 82, quyển số 01 do UBND xã Eaktur, huyện CuKuin, tỉnh Đăklăk (Nay là UBND xã Eaktur, tỉnh Đăklăk) cấp ngày 19/5/2008*).

2.2 Về con chung: Giao cho bà Lê Thị Thu N quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Lê Xuân H, sinh ngày 12/01/2011.

Ông Phan Thế A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung (*cháu Phan Lê Xuân H*), với mức 3.000.000 đồng/tháng (*Ba triệu đồng*), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01 năm 2026 cho đến khi cháu Phan Lê Xuân H thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải

chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung:

Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Lê Thị Thu N và ông Phan Thế A:

- Giao cho bà Lê Thị Thu N toàn quyền sở hữu đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ 29; diện tích 89m² đất ở và tài sản gắn liền trên đất là 01 ngôi nhà cấp 04 tại địa chỉ: Khu phố 5, Phường Đông Hà, tỉnh Quảng Trị; theo giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD846815 do Sở Tài Nguyên và Môi trường Quảng Trị cấp ngày 13/10/2016 mang tên Lê Thị Thu N và Phan Thế A.

Bà Lê Thị Thu N có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký biến động (sang tên chủ sử dụng đất) theo quy định của pháp luật.

- Bà Lê Thị Thu N chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng A- Chi nhánh Quảng Trị, PGD Cam Lộ toàn bộ dư nợ (gốc, lãi, phí phát sinh) theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDHMTD52D2024160 ngày 17/5/2024 và các khế ước nhận nợ kèm theo (*khế ước nhận nợ số: 52D2024160/03 ngày 16/5/2025; khế ước nhận nợ số: 52D02024160/04 ngày 04/7/2025; khế ước nhận nợ số: 52D02024160/05 ngày 14/10/2025*). Ông Phan Thế A không còn trách nhiệm liên đới đối với khoản nợ này.

2.4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Lê Thị Thu N thỏa thuận chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.868.000 đồng (*Năm triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn đồng*). Bà Nghĩa đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

2.5 Về án phí: Trước khi Tòa án tiến hành hòa giải, bà Lê Thị Thu N và ông Phan Thế A đã có văn bản tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án, quyết định nên bà N và ông A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc phân chia tài sản chung.

Bà Lê Thị Thu N thỏa thuận chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình theo quy định (*150.000 đồng án phí ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000916 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Bà N đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 5;
- Phòng THADS khu vực 5;
- UBND xã Eaktur, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Vũ Xuân